

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ : 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

MST : 0301429113

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

QUÝ 1 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	11.773.824.318.318	8.176.069.286.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.221.922.370.191	1.323.039.553.425
1. Tiền	111	375.925.617.056	793.350.722.512
2. Các khoản tương đương tiền	112	845.996.753.135	529.688.830.913
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	450.531.684.761	364.798.684.761
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	450.531.684.761	364.798.684.761
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	8.272.730.970.422	4.927.210.448.301
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.998.443.667.555	2.122.670.642.170
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.104.711.239.287	2.321.390.477.784
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	1.085.207.583.088	444.170.487.570
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	228.418.188.282	183.028.548.567
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(144.049.707.790)	(144.049.707.790)
IV. Hàng tồn kho	140	1.466.868.039.211	1.256.293.798.669
1. Hàng tồn kho	141	1.467.769.490.237	1.257.195.249.695
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(901.451.026)	(901.451.026)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	361.771.253.733	304.726.800.993
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.340.346.956	5.458.641.531
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	279.456.494.921	243.232.800.071
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	64.974.411.856	56.035.359.391
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	4.212.589.676.427	3.846.313.669.915
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.193.209.237.887	867.256.393.875
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	62.958.938.060	62.796.546.860
2. Phải thu dài hạn khác	216	1.130.250.299.827	804.459.847.015
II. Tài sản cố định	220	1.104.820.395.559	1.112.431.191.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	786.530.466.708	791.139.409.608
Nguyên giá	222	3.176.141.289.647	3.169.974.887.495
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.389.610.822.939)	(2.378.835.477.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	32.779.078.732	34.074.023.832
Nguyên giá	225	45.960.094.087	45.960.094.087
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(13.181.015.355)	(11.886.070.255)
3. Tài sản cố định vô hình	227	285.510.850.119	287.217.758.088
Nguyên giá	228	332.221.483.312	332.221.483.312
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(46.710.633.193)	(45.003.725.224)
III. Bất động sản đầu tư	230	140.998.241.774	142.649.068.457
1. Nguyên giá	231	164.819.931.539	164.819.931.539
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232	(23.821.689.765)	(22.170.863.082)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	1.450.231.967.102	1.369.678.250.180
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	1.450.231.967.102	1.369.678.250.180
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	235.492.641.690	251.133.247.329
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	116.449.149.386	116.154.301.025
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	109.843.492.304	125.778.946.304
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	11.000.000.000	11.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260	87.837.192.415	103.165.518.546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	87.148.217.540	92.698.426.255
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	688.974.875	10.467.092.291
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	15.986.413.994.745	12.022.382.956.064

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	11.501.095.122.556	9.814.924.083.612
I. Nợ ngắn hạn	310	6.183.940.306.414	5.506.339.713.874
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	1.040.842.884.242	1.117.424.523.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.589.833.299.854	1.436.241.680.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	35.373.264.580	66.455.813.413
4. Phải trả người lao động	314	41.576.646.043	79.161.664.710
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	300.132.928.822	356.716.178.589
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	6.163.321.182	4.945.232.657
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	116.085.783.733	122.804.570.866
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	3.050.347.631.948	2.319.019.049.882
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.584.546.010	3.570.999.788
II. Nợ dài hạn	330	5.317.154.816.142	4.308.584.369.738
1. Phải trả người bán dài hạn	331	237.354.574.267	224.764.623.773
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	262.075.279.703	262.075.279.703
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	49.531.900.458	49.531.900.458
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	34.859.530.625	34.309.618.238
5. Phải trả dài hạn khác	337	570.363.728.298	67.524.358.298
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.117.381.815.826	3.624.790.602.303
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	45.587.986.965	45.587.986.965
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.485.318.872.189	2.207.458.872.452
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.485.318.872.189	2.207.458.872.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	3.196.740.870.000	1.143.864.740.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	3.196.740.870.000	1.143.864.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	99.327.851.808	110.596.208.588
3. Cổ phiếu quỹ	415	(4.796.760.000)	(4.796.760.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	3.031.608.970	3.031.608.970
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	17.714.123.514	17.714.123.514
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	581.912.155.041	524.811.542.812
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	563.901.776.182	45.660.623.428
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18.010.378.859	479.150.919.384
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	591.389.022.856	412.237.408.568
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	15.986.413.994.745	12.022.382.956.064



Đinh Thị Hồng Ngọc

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2022



Nguyễn Thị Ngọc Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Huân

Chủ tịch HĐQT

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý này năm nay	Quý này năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.175.118.314.177	1.294.632.477.507
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	65.423.109	136.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.175.052.891.068	1.294.496.113.871
4. Giá vốn hàng bán	11	1.102.384.886.882	1.239.530.750.415
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	72.668.004.186	54.965.363.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	102.168.827.857	38.946.666.338
7. Chi phí tài chính	22	73.537.401.032	42.843.325.636
Trong đó, chi phí lãi vay	23	76.380.982.690	42.458.565.715
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	294.848.361	(6.829.793.096)
9. Chi phí bán hàng	25	6.722.471.604	6.374.304.405
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	71.479.302.506	31.531.899.827
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	23.392.505.262	6.332.706.830
12. Thu nhập khác	31	645.709.542	1.128.549.521
13. Chi phí khác	32	7.128.454.851	1.869.630.650
14. Lợi nhuận khác	40	(6.482.745.309)	(741.081.129)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	16.909.759.953	5.591.625.701
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	434.003.098	1.555.828.748
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16.475.756.855	4.035.796.953
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	18.010.378.859	6.710.847.344
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(1.534.622.004)	(2.675.050.391)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	160	57
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	160	57


Đinh Thị Hồng Ngọc

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2022


Nguyễn Thị Ngọc Dung

Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Huân**

Chủ tịch HĐQT

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.909.759.953	5.591.625.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.650.698.330	12.212.883.053
Các khoản dự phòng	03	-	(5.121.238.610)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	04	3.200.208.296	(2.453.364.494)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(101.364.787.868)	(16.606.220.426)
Chi phí lãi vay	06	76.380.982.690	42.458.565.715
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi	08	12.776.861.401	36.082.250.939
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.026.616.208.837)	35.954.597.856
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(210.574.240.542)	131.331.981.424
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, t	11	607.675.644.210	(522.389.391.491)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(6.322.634.549)	(1.216.939.024)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(3.702.055.470)	(2.345.360.749)
Tiền lãi vay đã trả	14	(89.751.994.929)	(34.351.249.054)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.002.874.816)	(775.300.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	867.210.000	555.688.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.953.797.534)	(9.849.989.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.748.604.091.066)	(367.003.712.073)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài h	21	(17.652.811.864)	(7.533.684.756)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài	22	36.081.481.482	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.153.733.000.000)	3.667.028.840
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.000.000.000	17.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(100.000.000.000)	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	515.935.454.000	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.501.100.163	25.385.386.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.625.867.776.219)	39.218.730.174

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/03/2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.052.876.130.000	1.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	(7.189.700)
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.237.566.429.298	944.454.102.844
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.014.681.550.785)	(1.058.071.274.260)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.389.539.759)	(2.627.877.629)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.000.000)	(357.000.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.273.335.468.754	(115.609.239.345)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(101.136.398.531)	(443.394.221.244)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.323.039.553.425	856.676.928.628
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.215.297	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	1.221.922.370.191	413.282.707.384


Đinh Thị Hồng Ngọc

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2022


Nguyễn Thị Ngọc Dung

Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Huân**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một thành viên, tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước. Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Tổng Công ty đã cổ phần hóa chuyển thành công ty cổ phần có tên là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 4 năm 2022 để cập nhật thông tin vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thay đổi gần nhất là 3.196.740.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Trần Tấn Phát	-	-	142.480.000.000	12,45
Ông Nguyễn Văn Huân	352.352.000.000	11,02	125.840.000.000	11,00
Các cổ đông khác	2.844.388.870.000	88,98	875.544.740.000	76,55
Cộng	3.196.740.870.000	100	1.143.864.740.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 05 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 45, Ngõ 61, Ngách 17, Phố Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP tại Miền Trung	100 Hồ Tùng Mậu, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2022 là 1.653

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, kinh doanh bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xây lắp, xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị máy móc công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Tư vấn xây dựng, đầu tư xây dựng, kinh doanh điện năng. Kinh doanh khai thác cảng biển, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ;
- Mua bán vật tư;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào quy trình xây dựng đến khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2020, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 05 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	Số 200/1/51, Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
2.	Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	Số 34-36 Đường số 2, Khu dân cư CityLand, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
3.	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai (*)	Số 939A Xa lộ Hà Nội, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	63,59%
4.	Công ty TNHH BT Đức sẵn VINA-PSMC	Lô 1699, Cụm Công Nghiệp Long Định, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An	70,00%
5.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	Tầng 2, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
6.	Công ty TNHH Xây Dựng & Kinh Doanh Bất Động Sản CC1 Miền Bắc	106 Yên Lạc, Phường Vĩnh Huy, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	100,00%
7.	Công ty CP Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	Km 7 Phạm Văn Đồng, Phường Hòa Nghĩa, Quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng	75,00%

(*) Theo chỉ đạo của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2020, trạm thu phí Cầu Đồng Nai của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai đã tạm dừng thu phí và đang chờ các quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo đó, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai đã tạm dừng việc trích khấu hao tài sản cố định liên quan đến dự án Cầu Đồng Nai và đồng thời tạm dừng phân bổ các chi phí duy tu, sửa chữa lớn liên quan đến dự án này – Xem thêm mục 4.8 và 4.13.

Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	Số 491 A2 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	40,96%
2.	Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	Lầu 5, Số nhà 35, Đường Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, TP. QNgãi, Tỉnh Quảng Ngãi	22,38%
3.	Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	Số 168/38C Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	20,40%
4.	Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	34,00%
5.	Công ty CP Chương Dương	Số 328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23,77%
6.	Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Cừu Long	Số 351 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	21,89%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của những tài sản thuần có thể xác định của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại

ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019

của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Chi phí các công trình dở dang: Chi phí nguyên vật liệu, các chi phí phải trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan. Các chi phí này được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (không bao gồm tài sản cố định hữu hình là chi phí xây dựng dự án Cầu Đồng Nai) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Đối với tài sản cố định hữu hình là chi phí xây dựng dự án Cầu Đồng Nai được khấu hao quy định tại thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016. Thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản (không bao gồm dự án Cầu Đồng Nai) như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 năm đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao. Các quyền sử dụng đất của Tập đoàn được chi tiết như sau:

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ	Thời hạn sử dụng
Số 51 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	50 năm
Số 1699 Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	20 năm
Thửa đất số 411 và 410, Xã Long Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	Vô thời hạn
Thửa đất số 78 (số cũ 1072) KP Ngọc Hà, TT Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Vô thời hạn
Lô đất nền K3.3 và K3.4 tại Số 34-36 Đường số 2, Khu dân cư Cityland, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	Vô thời hạn
Lô đất tại số 60, Đường số 2, Khu đô thị Vạn Phúc, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Vô thời hạn

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 10 năm |
| ▪ Tài sản cố định khác | 03 – 07 năm |

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất | 25 năm |

Bất động sản đầu tư bao gồm 61 căn hộ Nhà ở xã hội cho thuê của Dự án Felix Homes, 136 căn hộ Nhà ở xã hội cho thuê Block A, quyền sử dụng đất và nhà trên đất tại tầng 1 chung cư Block B, C Khu Dân cư Hạnh Phúc.

3.12. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,..... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài

sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.17. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.18. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.19. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Tập đoàn đã thực hiện đánh giá lại giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết theo Quyết định số 270/QĐ-BXD ngày

10 tháng 03 năm 2015 của Bộ Xây dựng và Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn đã thực hiện ghi nhận tăng giá gốc của các khoản đầu tư này trong bảng cân đối kế toán riêng, trong khi phần vốn chủ sở hữu của các đơn vị nhận đầu tư của Tập đoàn không được định giá lại.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được định giá lại thể hiện trên Bảng cân đối kế toán riêng và giá trị vốn chủ sở hữu tại các công ty nhận đầu tư được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn theo hướng dẫn tại thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3.20. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày tại mục 3.21 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

3.21. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.22. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.23. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.24. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

3.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán và cho thuê nhà ở xã hội: 5%;
- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không chịu thuế;
- Các hàng hóa và dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.28. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.29. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	30.792.111.077	31.039.815.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	345.133.505.979	762.310.907.389
Các khoản tương đương tiền	845.996.753.135	529.688.830.913
Cộng	1.221.922.370.191	1.323.039.553.425

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 3% đến 3,5%/năm tại ngày 31/03/2022.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	450.531.684.761	450.531.684.761	364.798.684.761	364.798.684.761
Dài hạn:				
Trái phiếu (**)	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000

(*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 5,3%/năm.

(**) Là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn là 7-10 năm, lãi suất được tính bằng lãi tham chiếu +0,1% đến +1,2%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty CP Đầu Tư Nhân Phúc Đức	5.100.000	65.953.125.000	62.355.616.437	5.100.000	65.953.125.000	62.513.249.118
Công ty CP Chương Dương	5.226.687	38.921.625.000	49.039.122.360	5.226.687	38.921.625.000	48.586.641.318
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửu Long	437.717	4.683.000.000	5.054.410.589	437.717	4.683.000.000	5.054.410.589
Công ty CP Xây Dựng Số Một Việt Tổng (*)	204.000	2.040.000.000	-	204.000	2.040.000.000	-
Công ty CP XD & KT VLXD Miền Trung (*)	373.500	3.735.000.000	-	373.500	3.735.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Hưng	2.040.000	20.600.000.000	-	2.040.000	20.600.000.000	-
Cộng	13.381.904	135.932.750.000	116.449.149.386	13.381.904	135.932.750.000	116.154.301.025

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2022				Tại ngày 01/01/2022			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty CP Xây Dựng Số Một Việt Hòa	180.000	2.141.408.839	1.800.000.000	[**]	180.000	2.141.408.839	1.800.000.000	[**]
Công ty CP XD & SXVL Xây Dựng	0	0	0	[**]	0	0	0	[**]
Công ty CP Xây Dựng Số 14	1.611.900	23.676.583.515	0	[**]	1.611.900	23.676.583.515	0	[**]
Công ty TNHH ĐT BT Cam Lộ Túy Loan		55.825.499.950	0	[**]		71.760.953.950	0	[**]
Công ty TNHH ĐT XD CC1 - Quảng Bình		1.200.000.000	0	[**]		1.200.000.000	0	-
Công ty CP Đầu Tư Thái Bình - Cầu Ngàn		27.000.000.000	0	[**]		27.000.000.000	0	
Cộng	1.791.900	109.843.492.304	1.800.000.000		1.791.900	125.778.946.304	1.800.000.000	

[**] Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	34.433.152.358	34.894.864.103
Phải thu từ khách hàng:		
Liên danh TPSK - Thầu chính thi công gói thầu A1 XD NM OLEFINS và các cv có liên quan	20.559.078.635	16.562.768.299
Công ty TNHH Đầu tư Hưng Lộc Phát Phan Phiết	50.453.014.338	41.536.906.500
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Trung Nam	106.465.044.851	43.041.922.880
Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng các Công trình thuộc Sở Y Tế TP.HCM	181.313.605.395	351.387.605.395
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình	49.354.990.661	38.945.053.175
Công Ty CP ĐT - TM - DV Thung Lũng Golf	28.296.537.181	28.296.537.181
CTY TNHH ĐT Cao ốc Văn Phòng Điện Biên Phủ	19.543.334.799	39.543.334.799
Công Ty Cổ Phần KEYTECH	37.184.744.549	44.057.580.449
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Newtecons	28.990.893.116	30.228.659.764
Công ty Cổ Phần Xây Dựng CENTRAL	47.410.319.021	44.956.499.707
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải	127.759.542.615	71.066.060.209
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng RICONs	38.834.938.571	38.834.938.571
Công ty CP Xây Dựng và Quản lý Dự án Số 1	189.613.496.987	203.609.847.956
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.038.230.974.478	1.095.708.063.182
Cộng	<u>1.998.443.667.555</u>	<u>2.122.670.642.170</u>

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	801.456.110.468	551.208.416.243
Trả trước cho người bán:		
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	233.662.851.005	192.338.633.128
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài	83.739.736.738	83.539.705.738
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Opal Land	234.606.074.986	234.606.074.986
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Việt Úc (VU)	90.122.540.426	80.945.976.000
Công ty TNHH ĐT và PT Năng Lượng HIGG	90.327.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Keytech	1.357.479.412.259	662.056.249.010
Công Ty TNHH MTV Xây Dựng Golden Building	754.315.068.000	-
Công Ty TNHH MTV Đầu Tư XD Ánh Sao Mai	606.469.315.000	-
Công Ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	49.431.900.000	-
Các nhà cung cấp khác	803.101.230.405	516.695.422.679
Cộng	5.104.711.239.287	2.321.390.477.784

4.5. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu về cho vay các bên liên quan (*)	14.207.583.088	14.170.487.570
Đình Quang Trường	310.000.000.000	160.000.000.000
Đình Quốc Doanh	290.000.000.000	150.000.000.000
Trần Thị Thanh Thế	120.000.000.000	120.000.000.000
Công ty TNHH ĐT và PT Năng Lượng HIGG	351.000.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 8	1.085.207.583.088	444.170.487.570
Phải thu về cho vay dài hạn		
Phải thu về cho vay các bên liên quan (*)	62.958.938.060	62.796.546.860
Cộng – Xem thêm mục 8	62.958.938.060	62.796.546.860

(*) Là khoản cho Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng và Công ty CP Chương Dương vay, thời hạn cho vay là 15 năm với lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm với số dư đến ngày 31/03/2022 là 3.324.778,62 USD tương đương với 76.403.412.688 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 3.324.778,62 USD tương đương 76.203.925.970 VND).

(**) Là khoản cho vay các cá nhân với thời hạn là 1 năm và lãi suất vay là 11,5%/năm tại ngày 31/03/2022

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.992.696.334	7.204.056.589
Tạm ứng chi phí hoạt động	138.190.774.592	111.765.315.807
Phải thu khác	85.234.717.356	64.059.176.171
Cộng	228.418.188.282	183.028.548.567
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.889.816.079	5.152.446.279
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Dài hạn:		
Hợp tác kinh doanh tại Cty CP TMDV ĐT Địa ốc Đất Vàng cùng đầu tư DA Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Trị An Lake View	860.000.000.000	760.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	7.586.533.193	11.692.213.983
Phải thu phí quản lý (cho vay lại khoản vay ADB)	2.124.318.998	2.118.772.474
Phải thu khác	260.539.447.636	30.648.860.558
Cộng	1.130.250.299.827	804.459.847.015
Trong đó: Phải thu khác từ các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.124.318.998	2.118.772.474

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	59.330.976.327	-	70.290.756.341	-
Công cụ, dụng cụ	950.030.872	-	1.007.871.505	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.068.479.870.075	-	988.741.106.318	-
Thành phẩm	112.949.752.842	-	64.993.850.990	-
Hàng hóa	158.135.632.867	(901.451.026)	64.238.437.287	(901.451.026)
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hóa bất động sản	67.923.227.254	-	67.923.227.254	-
Cộng	1.467.769.490.237	(901.451.026)	1.257.195.249.695	(901.451.026)

(xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 31/03/2022 là chi phí có liên quan đến các công trình xây dựng dở dang được chi tiết theo công trình như sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
CT Bệnh viện Nhi Đồng Tp.HCM	316.303.458.747	323.949.896.924
CT Khu Thương Mại - khách sạn - căn hộ Tropicana Nha Trang	175.872.841.107	175.872.841.107
CT Bệnh Viện Đa Khoa Bình Dương 1500 giường	17.443.767.340	74.248.567.524
CT nhà ga -nhà hát	34.678.648.553	37.871.285.416
CT NM lọc h.dầu Long Sơn	-	26.818.442.143
CT Chung cư Đồng Hội	24.832.217.694	24.563.694.418
CT Cải tạo HT thoát nước Hàng Bàng - gói K	20.869.167.662	20.869.167.662
CT Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch	20.783.923.865	20.783.923.865
Công trình SimCity	22.375.301.363	19.703.711.369
CT bệnh viện Trà Vinh	-	18.039.259.162
CT 152 Điện Biên Phủ	-	14.570.072.646
CT NM lọc h.dầu N.Sơn 2	-	4.935.810.321
CT Điện Gió Khai Long 1	11.094.411.850	11.094.411.850
CT CC Presia Garden	18.849.301.171	18.849.301.171
CT Nhà Máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1	19.768.176.427	20.004.814.383
CT Summerland - Phan Thiết	-	8.287.937.062
CT Aqua Reverside City	64.829.499.326	19.707.935.062
Các công trình khác	320.779.154.970	148.570.034.233
Cộng	1.068.479.870.075	988.741.106.318

(xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	401.632.692.503	229.335.001.082	228.765.720.830	11.423.459.907	2.298.818.013.173	3.169.974.887.495
Tăng trong năm	-	8.974.830.351	424.808.165	-	-	9.399.638.516
Mua trong năm	-	8.974.830.351	404.467.256	-	-	9.379.297.607
Tăng khác	-	-	20.340.909	-	-	20.340.909
Giảm trong năm	-	-	3.233.236.364	-	-	3.233.236.364
Giảm do thanh lý	-	-	3.233.236.364	-	-	3.233.236.364
Tại ngày 31/03/2022	401.632.692.503	238.309.831.433	225.957.292.631	11.423.459.907	2.298.818.013.173	3.176.141.289.647
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	168.459.050.879	119.161.157.773	149.636.677.019	8.724.840.306	1.932.853.751.911	2.378.835.477.887
Tăng trong năm	3.856.860.588	4.800.968.094	3.413.277.495	585.343.165	401.919.843	13.058.369.185
Do trích khấu hao	3.856.860.588	4.800.968.094	3.413.277.495	585.343.165	401.919.843	13.058.369.185
Giảm trong năm	-	-	2.283.024.133	-	-	2.283.024.133
Giảm do thanh lý	-	-	2.283.024.133	-	-	2.283.024.133
Tại ngày 31/03/2022	172.315.911.467	123.962.125.867	150.766.930.381	9.310.183.471	1.933.255.671.754	2.389.610.822.939
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	233.173.641.624	110.173.843.309	79.129.043.811	2.698.619.601	365.964.261.262	791.139.409.608
Tại ngày 31/03/2022	229.316.781.036	114.347.705.566	75.190.362.250	2.113.276.436	365.562.341.419	786.530.466.708

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Tài sản cố định khác được xác định theo giá trị tạm tính của chi phí đầu tư xây dựng dự án Cầu Đồng Nai theo hình thức hợp đồng BOT. Tập đoàn đang trích khấu hao chi phí xây dựng dự án này theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và dựa trên số liệu của phương án tài chính theo Biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2017. Nguyên giá và chi phí khấu hao sẽ được xem xét điều chỉnh khi có sự phê duyệt quyết toán chính thức từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo chỉ đạo của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, trạm thu phí cầu Đồng Nai đã tạm dừng thu phí kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2020 nên tài sản này đã tạm dừng trích khấu hao kể từ thời điểm nêu trên – Xem thêm mục 1.6.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	21.606.141.503	17.340.217.030	7.013.735.554	45.960.094.087
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2022	21.606.141.503	17.340.217.030	7.013.735.554	45.960.094.087
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	5.640.992.899	5.207.651.586	1.037.425.770	11.886.070.255
Khấu hao trong năm	574.547.185	593.958.073	126.439.842	1.294.945.100
Mua lại TS thuê	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2022	6.215.540.084	5.801.609.659	1.163.865.612	13.181.015.355
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	15.965.148.604	12.132.565.444	5.976.309.784	34.074.023.832
Tại ngày 31/03/2022	15.390.601.419	11.538.607.371	5.849.869.942	32.779.078.732

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
* Nguyên giá			
Số dư đầu năm	330.839.699.539	1.381.783.773	332.221.483.312
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	330.839.699.539	1.381.783.773	332.221.483.312
* Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	44.059.219.168	944.506.056	45.003.725.224
Số tăng trong năm	1.620.094.431	86.813.538	1.706.907.969
Khấu hao trong năm	1.620.094.431	86.813.538	1.706.907.969
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	45.679.313.599	1.031.319.594	46.710.633.193
* Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	286.780.480.371	437.277.717	287.217.758.088
Tại ngày cuối kỳ	285.160.385.940	350.464.179	285.510.850.119

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày cuối kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày đầu kỳ VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà và quyền sử dụng đất	164.819.931.539			164.819.931.539
Cộng	164.819.931.539	0	0	164.819.931.539
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà và quyền sử dụng đất	23.821.689.765	1.650.826.683		22.170.863.082
Cộng	23.821.689.765	1.650.826.683	0	22.170.863.082
Giá trị còn lại:				
Nhà và quyền sử dụng đất	140.998.241.774			142.649.068.457
Cộng	140.998.241.774			142.649.068.457

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.618.434.343	225.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	1.447.613.532.759	1.369.453.250.180
Cộng	1.450.231.967.102	1.369.678.250.180

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ là chi phí liên quan đến các dự án sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
DA Khu dân cư Hạnh Phúc	489.893.127.080	453.239.116.545
DA Cao ốc Sailing Tower	14.946.673.077	14.946.673.077
Dự án tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng - Thái Bình – PPP	886.237.433.315	855.959.754.341
DA NM Điện Gió Hàm Kiệm - Bình Thuận	23.365.527.866	16.861.692.249
DA đầu tư khác	33.170.771.421	28.446.013.968
Cộng	1.447.613.532.759	1.369.453.250.180

(xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.495.229.800	4.495.229.800	4.632.076.018	4.632.076.018
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khang	38.247.622.054	38.247.622.054	55.179.271.195	55.179.271.195
Công ty CP Đạt Phương	10.612.535.141	10.612.535.141	10.612.535.141	10.612.535.141
Công ty cổ phần VNDECO	17.384.896.087	17.384.896.087	37.461.106.424	37.461.106.424
Công ty CP Phát Triển Thương Mại Toàn Khoa	31.156.195.541	31.156.195.541	18.372.199.843	18.372.199.843
Công ty TNHH Một Thành Viên Thép Dự ứng Lực Hòa Phát	10.274.079.585	10.274.079.585	22.379.666.788	22.379.666.788
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Kinh Doanh Phú Mỹ	16.260.129.712	16.260.129.712	18.704.065.712	18.704.065.712
Công ty TNHH Công Minh Bảo	27.657.186.396	27.657.186.396	27.055.739.896	27.055.739.896
Công Ty TNHH TM DV Vận Tải Cường Thịnh Phát	19.281.185.404	19.281.185.404	18.474.980.404	18.474.980.404
Công ty TNHH MTV Hoàn Thiện Phát	16.275.112.407	16.275.112.407	19.515.661.287	19.515.661.287
Các khoản phải trả khách hàng khác	849.198.712.115	849.198.712.115	885.037.220.834	885.037.220.834
Cộng	1.040.842.884.242	1.040.842.884.242	1.117.424.523.542	1.117.424.523.542
Dài hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.071.987.138	11.071.987.138	6.019.357.960	6.019.357.960
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	13.253.401.525	13.253.401.525	13.253.401.525	13.253.401.525
Công ty TNHH Xây Dựng Phúc Khang	13.378.823.838	13.378.823.838	13.365.863.093	13.365.863.093
Công Ty TNHH Kiến Trúc Xây Dựng TM Việt Tuấn	27.593.076.747	27.593.076.747	26.747.832.712	26.747.832.712
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Số 14	2.694.820.461	2.694.820.461	2.694.820.461	2.694.820.461
Đối tượng khác	169.362.464.558	169.362.464.558	162.683.348.022	162.683.348.022
Cộng	237.354.574.267	237.354.574.267	224.764.623.773	224.764.623.773

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Trả tiền trước từ các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước:				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Tỉnh Bình Dương	113.098.967.029	113.098.967.029	52.907.540.075	52.907.540.075
Công Ty TNHH Miền Nhiệt Đới Nha Trang	140.577.581.792	140.577.581.792	140.577.581.792	140.577.581.792
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	131.139.851.413	131.139.851.413	131.139.851.413	131.139.851.413
Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Bình Thuận	11.052.884.893	11.052.884.893	5.180.631.762	5.180.631.762
Consortium MC - HDEC - CC1	575.770.695.894	575.770.695.894	575.770.695.894	575.770.695.894
BQL dự án đầu tư công trình giao thông xây dựng Cao tốc Hà Nội - Hưng Yên	305.000.000.000	305.000.000.000	305.000.000.000	305.000.000.000
Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn	33.586.520.428	33.586.520.428	33.586.520.428	33.586.520.428
Đối tượng khác	279.606.798.405	279.606.798.405	192.078.859.063	192.078.859.063
Cộng	1.589.833.299.854	1.589.833.299.854	1.436.241.680.427	1.436.241.680.427
Dài hạn:				
Các khách hàng mua căn hộ tại chung cư Hạnh Phúc	227.846.482.703	227.846.482.703	227.846.482.703	227.846.482.703
Các khách hàng mua căn hộ tại chung cư Felix Home	34.228.797.000	34.228.797.000	34.228.797.000	34.228.797.000
Cộng	262.075.279.703	262.075.279.703	262.075.279.703	262.075.279.703

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(19.567.960.951)	131.724.245.577	147.298.351.339	(35.142.066.713)
* Thuế phát sinh	28.455.071.483	131.724.245.577	44.226.317.973	21.821.658.810
* Thuế phát sinh phải thu	(1.728.619.290)	-	7.847.557.222	(9.576.176.512)
* Thuế được khấu trừ	-	-	94.131.340.277	-
* Thuế đầu ra vãng lai nội tỉnh	(46.294.413.144)	-	1.093.135.867	(47.387.549.011)
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp				
* Thuế TNDN phải nộp	33.153.140.195	434.003.098	23.283.375.862	10.303.767.431
* Thuế TNDN đã nộp	(7.883.332.556)	-	-	(7.883.332.556)
4. Thuế thu nhập cá nhân				
* Thuế TNCN phải nộp	4.847.601.735	8.189.385.429	9.878.345.560	3.158.641.604
* Thuế TNCN đã nộp	(128.994.401)	11.580.999	9.940.375	(127.353.777)
6. Thuế tài nguyên, thuế đất	-	72.979.639	72.979.639	-
7. Phí lệ phí các khoản khác				
* Các loại thuế khác	-	105.196.735	16.000.000	89.196.735
* Phí lệ phí phải nộp	-	7.008.336	7.008.336	-
* Phí lệ phí phải thu	-	30.735.927	30.735.927	-
Tổng cộng	10.420.454.022	140.575.135.740	180.596.737.038	(29.601.147.276)
Chi tiết như sau:				
Thuế còn phải thu Nhà Nước	(56.035.359.391)			(64.974.411.856)
Thuế phải nộp Ngân sách	66.455.813.413			35.373.264.580
	10.420.454.022			(29.601.147.276)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí lãi trái phiếu	30.436.943.381	36.959.615.043
Chi phí thầu phụ thi công	261.502.813.372	310.774.308.615
Chi phí lãi vay phải trả	4.662.618.379	3.150.296.233
Chi phí khác	3.530.553.690	5.831.958.698
Cộng	300.132.928.822	356.716.178.589
Dài hạn:		
Trích trước chi phí quyền sử dụng đất Block B. C. D – Khu dân cư Hạnh Phúc	49.531.900.458	49.531.900.458

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
KPCĐ.BHXH.BHYT	7.808.937.429	6.502.132.261
Phải trả tạm ứng	7.777.059.446	8.877.912.529
Nhận ký quỹ. ký cược ngắn hạn;	-	599.735.000
Cổ tức. lợi nhuận phải trả;	4.342.509.067	4.342.509.067
Mượn tiền các cá nhân	76.929.943.420	78.879.943.420
Các khoản phải trả. phải nộp khác.	19.227.334.371	23.602.338.589
Cộng	116.085.783.733	122.804.570.866
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ. ký cược dài hạn	32.779.312.231	30.855.698.231
Các khoản phải trả. phải nộp khác.	537.584.416.067	36.668.660.067
Cộng	570.363.728.298	67.524.358.298

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ VND	Số tăng trong kỳ VND	Số giảm trong kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Vay ngắn hạn	3.050.347.631.948	1.643.569.868.108	912.241.286.042	2.319.019.049.882
NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam	775.024.572.058	339.914.198.896	219.993.457.228	655.103.830.390
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	1.108.093.755.947	780.345.298.514	360.209.375.172	687.957.832.605
NH TMCP Công Thương VN	566.984.529.313	202.631.557.244	184.963.834.847	549.316.806.916
NH TMCP Ngoại Thương VN	144.058.961.647	102.408.961.647	88.272.494.077	129.922.494.077
NH TMCP Quốc Tế - CN Tp.HCM	194.823.895.471	194.120.653.520	5.159.911.350	5.863.153.301
NH TMCP Hàng Hải Tp.HCM	-	-	-	-
NH TMCP Tiên Phong (TPBank)	108.065.346.099	24.075.946.977	4.978.241.740	88.967.640.862
NH TMCP Quân Đội - CN TP.HCM	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Nợ vay khác	11.500.000.000	-	3.000.000.000	14.500.000.000
Nợ Công ty TNHH MTV Hinokiya TWgroup	91.000.000.000	-	43.000.000.000	134.000.000.000
Nợ thuê tài chính	5.096.410.264	-	1.442.335.257	6.538.745.521
Nợ dài hạn đến hạn trả	33.700.161.149	73.251.310	1.221.636.371	34.848.546.210
Vay dài hạn	4.117.381.815.826	597.421.018.025	104.829.804.502	3.624.790.602.303
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	41.009.425.473	-	2.307.000.000	43.316.425.473
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	4.185.052.000	1.069.812.500	204.000.000	3.319.239.500
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	-	-
Ngân hàng công thương VN	8.881.000.000	-	2.211.000.000	11.092.000.000
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	15.397.500.000	-	622.500.000	16.020.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	9.379.722.431	-	947.204.502	10.326.926.933
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.283.511.715.922	3.351.205.525	-	1.280.160.510.397
- Vay ADB-57.074.280.57 USD				
Trái phiếu	2.755.017.400.000	593.000.000.000	98.538.100.000	2.260.555.500.000
Cộng	7.167.729.447.774	2.240.990.886.133	1.017.071.090.544	5.943.809.652.185

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính nằm trong khả năng trả nợ của Tập đoàn và không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng chịu lãi suất từ 6.0%/năm đến 7.9%/năm

Các khoản vay ngắn hạn khác là khoản vay tín chấp với kỳ hạn dưới 12 tháng và với lãi suất từ 6.35% - 9%/năm.

Vay dài hạn ngân hàng khác là các khoản vay có thời hạn từ 4 năm đến 7 năm chịu lãi suất từ 8.6%/năm đến 10.9%/năm.

Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB) là khoản vay được Bộ Tài Chính ủy quyền cho Ngân hàng phát triển Việt Nam cho Tổng Công ty vay lại theo hiệp định vay số 3240 – VIE và 3242 – VIE (SF) mục đích sử dụng cho các dự án, công trình xây dựng của Tổng Công ty với tổng số dư đến thời điểm 31/03/2022 là 1.311.566.967.958 VND (tương đương 1.311.566.967.958 USD), thời hạn vay là 25 năm. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm.

Khoản vay ADB được thế chấp như sau:

- Máy móc thiết bị của Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng – Xem thêm mục 8.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Cao ốc Central Garden của Công ty Cổ phần Chương Dương – Xem thêm mục 8
- Quyền thu phí hoàn vốn của dự án BOT cầu Đồng Nai.

Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo và không kèm chứng quyền được phát hành với tổng mệnh giá là 300.000.000.000 VND, tương ứng với 3.000.000 trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho các kỳ thanh toán lãi trong năm đầu tiên của trái phiếu là 11,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ thanh toán lãi của các năm tiếp theo bằng mức cao nhất của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho các khoản tiền gửi tiết kiệm có giá trị dưới 5 tỷ đồng, công bố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại mỗi ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,4%/năm. Thời hạn thanh toán là 03 năm kể từ ngày phát hành. Hiện nay, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP đang thực hiện mua lại từ các nhà đầu tư, tổng giá trị đã mua lại đến thời điểm 31/03/2022 là 194.982.600.000 VND. Đến thời điểm 31/03/2022, tổng giá trị trái phiếu còn lại là 105.017.400.000 VND.

Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP mục đích thực hiện các dự án đầu tư, hợp tác kinh doanh - đầu tư với các đối tác để phát triển các dự án bất động sản, công trình xây lắp, với tổng mức phát hành là 2.650.000.000.000 tương đương 26.500 trái phiếu thực hiện trong ba (03) đợt. Là loại trái phiếu không chuyển đổi, lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ các kỳ tính lãi là 10%/năm, kỳ hạn của trái phiếu là 3 năm, chu kỳ tính lãi 06 tháng/lần. Đơn vị tổ chức nhận và quản lý tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Hàm Nghi, tài sản đảm bảo là tài sản cố định hữu hình và vô hình với nguyên giá lần lượt là 308.156.950.858 VND và 272.606.677.819 VND – Xem thêm mục 4.11 và 4.12; quyền sở hữu, quản lý vận hành, khai thác Cao ốc Sailing Tower. Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành tại 31/03/2022 là 2.650.000.000.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.100.000.000.000	110.596.208.588	-4.796.760.000	-71.148.835.686	17.418.311.274	319.053.660.250	1.471.122.584.426
Tăng trong năm	-						-
Lãi phát sinh trong kỳ						479.150.919.384	479.150.919.384
Điều chỉnh do thoái vốn tại công ty DakRti				74.180.444.656		(228.682.818.127)	(154.502.373.471)
Điều chỉnh do thoái vốn tại công ty BTBH						3.314.307.600	3.314.307.600
Điều chỉnh do chuyển từ cty lk sang cty con tại cty ĐVBHP						(270.744.121)	(270.744.121)
Chia cổ tức	43.864.740.000					(43.864.740.000)	-
Trích lập quỹ ĐTPT					295.812.240	(295.812.240)	-
Trích lập quỹ KTPL						(3.250.411.930)	(3.250.411.930)
Thù lao BKS, HĐQT						(96.900.000)	(96.900.000)
Điều chỉnh do chia cổ tức không đúng theo tỷ lệ						(244.930.891)	(244.930.891)
Khác						(987.113)	(987.113)
Số dư cuối năm trước	1.143.864.740.000	110.596.208.588	-4.796.760.000	3.031.608.970	17.714.123.514	524.811.542.812	1.795.221.463.884
Tăng trong năm	2.052.876.130.000	(11.268.356.780)					2.041.607.773.220
Lãi phát sinh trong kỳ						18.010.378.859	18.010.378.859
Trích lập quỹ KTPL						(153.000.000)	(153.000.000)
Thù lao BKS, HĐQT						(18.360.000)	(18.360.000)
Khác						39.261.593.370	39.261.593.370
Số dư cuối kỳ báo cáo	3.196.740.870.000	99.327.851.808	-4.796.760.000	3.031.608.970	17.714.123.514	581.912.155.041	3.893.929.849.333

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Trong năm 2021, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng Công ty số 100/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 26 tháng 06 năm 2021.

(**) Vào ngày 10 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty đã nhận được Công văn số 1157/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu. Theo đó, việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 8 tháng 3 năm 2022, với tổng số cổ phiếu được phát hành là 205.287.613 cổ phiếu, tương ứng với 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành. Vốn điều lệ đăng ký (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Tổng Công ty tăng từ 1.143.864.740.000 VND lên 3.196.740.870.000 VND.

4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/3/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Trần Tấn Phát	-	142.480.000.000
Ông Nguyễn Văn Huân	352.352.000.000	125.840.000.000
Các cổ đông khác	2.844.388.870.000	875.544.740.000
Cộng	3.196.740.870.000	1.143.864.740.000

4.19.3. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022 Trích trong năm	17.714.123.514
Tại ngày 31/03/2022	17.714.123.514

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	238.991.682.917	289.208.575.228
Doanh thu bán hàng thành phẩm	268.378.680.414	211.903.587.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.444.639.685	41.189.022.503
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	3.294.388.272
Doanh thu hoạt động xây dựng	628.237.888.052	748.900.540.619
Cộng	1.175.052.891.068	1.294.496.113.871

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	240.215.045.091	280.475.839.767
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	253.845.587.747	204.849.844.320
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.569.318.943	23.083.183.368
Giá vốn của hđộng kd bất đđng sản	-	-
Giá vốn của hợp đđng xây đđng	592.754.935.101	731.121.882.960
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	1.102.384.886.882	1.239.530.750.415

5.3. Doanh thu hoạt đđng tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.439.420.625	3.096.526.878
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	2.453.364.494
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.624.917.232	13.361.944.966
Cổ tức, lợi nhuận đđng chia	60.104.490.000	20.034.830.000
Cộng	102.168.827.857	38.946.666.338

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	76.380.982.690	42.458.565.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.200.208.296	-
Lãi chậm thanh toán	-	146.658.436
Chi phí tài chính khác	(6.043.789.954)	238.101.485
Cộng	73.537.401.032	42.843.325.636

5.5. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a. Cổ tức đđng chia trong năm	-	20.034.830.000
b. Phần sở hữu trong lãi (lỗ) công ty liên kết	294.848.361	13.205.036.904
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết (b – a)	294.848.361	(6.829.793.096)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	4.696.891.924	3.997.930.220
Chi phí hoa hồng môi giới	-	67.782.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.389.493.480	1.188.477.407
Chi phí bằng tiền khác	636.086.200	1.120.113.840
Cộng	6.722.471.604	6.374.304.405

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	42.364.204.565	22.309.125.344
Chi phí vật liệu quản lý	465.600.216	456.927.285
Chi phí văn phòng	556.998.171	357.795.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.909.836.050	1.720.734.938
Thuế, phí và lệ phí	356.949.077	86.865.883
Chi phí dự phòng	-	(5.117.336.975)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.958.255.954	3.732.009.186
Chi phí bằng tiền khác	19.867.458.473	7.985.778.302
Cộng	71.479.302.506	31.531.899.827

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.237.566.429.298	944.454.102.844

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.014.681.550.785	1.058.071.274.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	Công ty con
4. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	Công ty con
5. Công ty TNHH BT Đức sản VINA-PSMC	Công ty con
6. Công ty TNHH Xây Dựng & KD Bất Động Sản CC1 Miền Bắc	Công ty con
7. Công ty TNHH Đầu tư Đường ven biển Hải Phòng	Công ty con
8. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	Công ty liên kết
9. Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	Công ty liên kết
10. Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	Công ty liên kết
11. Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	Công ty liên kết
12. Công ty CP Chương Dương	Công ty liên kết
13. Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửu Long	Công ty liên kết
14. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	30.428.414.407	30.890.126.152
Cty CP Xây Dựng & Khai Thác VLXD Miền Trung	4.004.737.951	4.004.737.951
	34.433.152.358	34.894.864.103
Cộng – Xem thêm mục 4.3		
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	695.445.870.310	445.198.176.085
Cty CP Xây Dựng & Khai Thác VLXD Miền Trung	66.680.543.502	66.680.543.502
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Tổng	39.143.753.135	39.143.753.135
Cty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	185.943.521	185.943.521
	801.456.110.468	551.208.416.243
Cộng – Xem thêm mục 4.4		

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu về cho vay:		
Ngắn hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	7.983.696.663	7.962.851.502
Cty CP Chương Dương	6.223.886.425	6.207.636.068
	14.207.583.088	14.170.487.570
Dài hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	18.628.625.087	18.579.986.380
Cty CP Chương Dương	44.330.312.973	44.216.560.480
	62.958.938.060	62.796.546.860
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khác:		
Ngắn hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	4.423.149.079	4.423.149.079
Cty CP Xây Dựng & KD Nhà Cửu Long	-	262.630.200
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Tổng	466.667.000	466.667.000
	4.889.816.079	5.152.446.279
Dài hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	2.124.318.998	2.118.772.474
	2.124.318.998	2.118.772.474
	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán:		
Ngắn hạn:		
Cty CP Chương Dương	3.925.748.875	4.096.483.893
Cty CP Xây Dựng & KD Nhà Cửu Long	569.480.925	535.592.125
	4.495.229.800	4.632.076.018

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán:		
Dài hạn:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	1.794.890.299	1.588.690.766
Cty CP Chương Dương	5.486.272.887	639.843.242
Cty CP Xây Dựng & KD Nhà Cửu Long	90.265	90.265
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Tổng	3.790.733.687	3.790.733.687
Cộng – Xem thêm mục 4.14	11.071.987.138	6.019.357.960

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp hàng hoá		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	236.917.050	
Cty CP Xây Dựng & Khai Thác VLXD Miền Trung		18.110.874.105
Cung cấp dịch vụ		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	-	128.990.336
Dịch vụ xây lắp do các bên liên quan cung cấp:		
Cty CP Xây Dựng Số Một - Việt Hưng	5.492.364.285	2.854.150.563
Cty CP Chương Dương	8.438.385.982	-
Cty CP Xây Dựng & Kinh Doanh Nhà Cửu Long	269.562.727	1.851.575.099
Cộng	14.200.312.994	4.705.725.662

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Tình hình dịch bệnh Coronavirus (COVID-19) đang diễn biến phức tạp và mặc dù chưa tác động về mặt tài chính của Tập đoàn đến 31/03/2022 nhưng Tập đoàn cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo.


Đinh Thị Hồng Ngọc

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2022


Nguyễn Thị Ngọc Dung

Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Huân**

Chủ tịch Hội đồng quản trị